



Cái Nghiệp Đòng Đòng

Nguyễn Cát Thịnh

Tản văn dẫn truyện

Có những buổi chiều, ngồi bên lò sưởi, qua khung cửa sổ, nhìn bông tuyết bay bay ngoài sân, tôi thường nhớ lại những câu chuyện cũ. Không phải chuyện của riêng ai, mà là chuyện của cả một vùng đất – nơi con nước lên xuống như nhịp thở, nơi người ta sống với ruộng đồng, bằng chữ tín, bằng cái tình.

Hồi còn làm ở Nha Y Tế Công Cộng, tôi có dịp về Cù Lao Giêng công tác. Một buổi tối, ngồi uống trà với bác Bảy già, nghe bác kể lại chuyện xưa. Chuyện miệt vườn, nghe xong là nặng lòng như đám mây nước đầu mùa.

Cái Nghiệp Đòng Đòng

Bác Bảy già rít một hơi thuốc rê, khói bay lững lờ, rồi mới cất tiếng, giọng trầm trầm tựa nước rạch chảy êm: “Chuyện này xảy ra dưới miệt Cái Tàu Hạ. Chuyện thì nhỏ, mà nghe thì nặng...”

Hồi đó, xã hội chia rành rẽ hai hạng người: điền chủ với tá điền. Nhà ông Hội đồng Cư thì bề thế, ngói đỏ, cột lim, sân rộng có người canh gác. Đi đâu cũng mang theo gia nhân. Còn tá điền thì ở chòi lá ngoài ruộng, mưa tạt gió lùa, sống nhờ từng mùa lúa. Hai Thịnh là một trong số đó. Hiền khô, ít nói, làm lụng từ sáng sớm tới chiều tà. Con Sáu – vợ nó – dân xã Phú Hựu, nước da sạm nắng, thân hình đầy đặn. Người ta hay nói: “Đàn bà dễ nhìn mà nghèo thì khổ lắm, khổ tới bến.”

Một buổi chiều tưởng đâu êm ru, ông Hội đồng say khướt, đi ngang chòi tá điền, thấy con Sáu ở nhà một mình. Quyền thế của người giàu mà lại có đất đai, có khi còn mạnh hơn cả men rượu. Hôm đó, con Sáu không kêu được. Mà thiệt ra, cũng đâu dám kêu.

Thằng Hai về. Thấy bóng dáng ông Hội đồng vừa khuất. Thấy vợ ngồi co ro góc chòi, áo quần xộc xệch, mặt tái mét, mắt ráo hoảnh. Không nói. Nó hiểu mà không hỏi. Không làm lớn chuyện. Người nghèo nhiều khi vậy: biết mà làm thinh, riết rồi quen, để còn sống qua ngày.

Mấy tháng sau, bụng con Sáu lùm lùm.

Đêm nước dềnh, thằng Hai gói đứa nhỏ mới sinh trong manh áo cũ, đặt vô cái thúng lót lá chuối, bung ra mé lung. Con Sáu quay mặt đi, không khóc. Nước mắt cạn từ lâu rồi.

Nó đặt thúng xuống, đứng lặng một hồi, rồi nói nhỏ như nói với gió:

- Xin lỗi con...

Đứa nhỏ được ông Tư Lành lượm về. Bà Tư ôm sưởi ấm, đặt tên là Phước. Tên nghe hiền. Nhưng phước phần không biết có hiền hay không.

Phước lớn lên trong cảnh nghèo khó, được đi học. Ông Tư hay dặn:

- Cha má không có ruộng đất cho con. Chỉ ráng cho con có được ba chữ nghĩa.

Phước học cũng đặng, tánh tình hiền, sau này làm thầy giáo trường làng. Thầy được người ta kính mến. Dạy chữ, dạy cả làm người. Chẳng hề hay biết gì về gốc gác của mình.

Ông Hội đồng Cư vẫn lén lút qua lại với con Sáu. Ăn quen, nhin không quen. Hai Thành biết hết. Cấn rắng chịu. Cho tới một buổi trưa nắng chang chang, thì chịu hết nổi.

Nó về sớm, bắt gặp ông Hội đồng trong chòi. Con Sáu la lên. Thằng Hai vớ cây gậy, mắt đỏ ngầu:

- Ông còn coi tui ra cái gì nữa không?

Ông Hội đồng hoảng sợ, hô hoán, gia nhân ủa tới. Người đông, kẻ ít. Xô đẩy. Đánh lộn. Dao rơi. Gậy gãy. Không ai nhớ ai ra tay trước. Chỉ biết khi xong chuyện, vợ chồng Hai Thành nằm chết trên đất ruộng, máu thấm đỏ cả một vùng.

Nắng đứng bóng. Không ai che xác. Không ai khóc lớn.

•

Phiên tòa mở ở tỉnh lỵ. Thầy Phước – người tình cờ đi ngang qua, thấy hết – được mời ra làm nhân chứng. Thầy kể đúng những gì mắt thấy tai nghe. Không thêm. Không bớt.

Ông Hội đồng cúi gằm mặt. Không biết. Cũng không muốn biết. Ông chịu án tử. Gia nhân lãnh án nhẹ hơn.

•

Tường đầu chuyện tới đó là hết. Ai dè chưa.

Trong lúc đau yếu, bà Hội đồng lục lại giấy tờ cũ, bắt gặp một xấp hồ sơ ủa màu. Trong đó có bản phúc trình về một đứa nhỏ bị vớt bỏ ngoài đồng nước, kèm tờ chuẩn thuận có dấu làng, chữ ký Cai tổng: “Đã xét.”

Bà Hội đồng cố nhớ lại. Tính ra ngày tháng trùng khớp với đứa nhỏ ông Tư Lành lượm được. Bà ngã quy.

Ông Hội đồng Cư chính là cha ruột của thầy giáo Phước.

•

Bà Hội đồng gọi Phước lên, nói hết sự tình. Nghe xong, Thầy không hỏi thêm. Không khóc.

Trong đầu Thầy, từng mảnh đời ráp lại như tấm lưới rách:

Cha ruột – kẻ gây nghiệp.

Mẹ ruột – người chịu nhục.

Chồng của mẹ – người chết oan.

Cha mẹ nuôi – người cứu mạng.

Còn Thầy đứng giữa, làm chứng cho cái chết của tất cả.

Thầy xin nghỉ dạy. Về quê. Ở lại căn chòi cũ bên mộ ông bà Tư đã qua đời từ lâu. Đêm đêm nhóm bếp, nhìn lửa. Tự nhủ: “*Nếu không có cái buổi chiều oan nghiệt đó... thì đời này đâu có chuyện oan nghiệt.*”

Thầy không rửa. Không oán. Chỉ sống lặng lẽ: dạy chữ cho con nít nghèo, viết đơn giùm bà con, đọc nhật trình cho người già.

•

Người ta hỏi:

- Sao Thầy không oán?

Thầy đáp, giọng nhẹ:

- Oán thì cũng đâu có được gì.

Mùa nước dềnh năm đó, Thầy ra bờ lung ngồi nhìn nước chảy.

Liệu nước chảy, nghiệp có trôi theo?

Mong người ở lại đừng gây thêm nghiệp chướng.

Dầu vậy, có khi nghiệp chưa thấy,

... chớ dòng dòng đã tượng sẵn trong thân.

Ở miệt này, người ta sợ nhứt không phải luật, mà là cái nợ đời chưa trả.

Người sống không đúng, lòng không yên, là một món nợ.

Người nghèo bị đẩy ra lề, cũng là một món nợ.

Có nợ thì phải trả. Trả lớn không nổi, thì trả nhỏ.

•
Cuối đời, Thầy Phước sống lặng lẽ như chiếc bóng. Không vợ con, không họ hàng. Căn chòi nhỏ bên mé lung, ngày ngày có khói bếp lên, đêm đêm có tiếng gõ chữ lạch cạch – Thầy viết lại chuyện đời, chuyện người, chuyện nghiệp.

Một sáng sớm, người ta thấy Thầy nằm yên bên bếp tro nguội. Quyển sách thiền đạo chưa gấp. Trên bàn còn cuốn sổ tay mở dở, trang cuối ghi mấy dòng nguệch ngoạc:

*Nghiệp xưa theo gió cuốn trôi,
Bên nồi cơm nguội, ngồi soi nắng tàn.
Tro bay, lửa lụi bên giàn,
Lặng nghe hơi thở, thế gian vui đầy.*

*Chẳng cầu, chẳng trách, chẳng than,
Mưa giông, nắng hạn, hớp tan, lẽ thường.
Nhặt câu kinh kệ làm phương,
Trả xong nợ cũ, nhẹ đường ra đi.*

•
Người già trong xóm kể lại chuyện Thầy Phước cho con cháu nghe. Không phải để trách ai. Mà để nhắc:
“Ồ đời, có cái đúng của luật, có cái đúng của lòng. Mà không phải lúc nào hai cái cũng gặp nhau.”
Và rằng:
“Cái nghiệp, nó không ồn ào. Nó chỉ nằm đó, chờ ai tới lúc phải trả.”

•
Nghe tới đây, ai hiểu tới đâu là phần của người đó.
Còn con nước, nó vẫn dềnh –
như từ thuở ông bà ta ...

Nguyễn Cát Thịnh
Parkland FL, Ngày 15 Tháng Giêng Năm 2026